

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHẠM TẤN ÁNH

**PHÁP LUẬT VỀ HẠN CHẾ CẠNH TRANH TRONG  
HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI  
TẠI VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 838 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS.NGUYỄN VĂN CỪ**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp  
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài .....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài .....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài .....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu .....	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn .....	6
7. Bố cục của Luận văn .....	7
<b>CHƯƠNG 1.MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ HẠN CHẾ CẠNH TRANH TRONG HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI</b> .....	<b>5</b>
1.1. Khái quát chung về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	5
1.1.1. Khái niệm, đặc trưng của nhượng quyền thương mại.....	5
1.1.1.1. Khái niệm nhượng quyền thương mại.....	5
1.1.1.2. Đặc trưng của nhượng quyền thương mại.....	6
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại .....	6
1.1.2.1. Khái niệm hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại	6
1.1.2.2. Đặc điểm của hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại.....	7
1.1.3. Tác động của hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại	7
1.1.4. Các hình thức hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại	7
1.1.4.1. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh giữa các chủ thể nhượng quyền.....	7
1.1.4.2. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền trong nhượng quyền thương mại .....	8
1.2. Khung pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	8
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.....	8
1.2.1.1. Khái niệm pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	8
1.2.1.2. Đặc điểm pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	8
1.2.2. Nội dung pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	9

1.2.2.1. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh: Phân tích tại Mục 1.1.4.1, .....	9
1.2.2.2. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền: Phân tích tại Mục 1.1.4.2,.....	9
1.2.2.3. Xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	9
1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	9
1.3.1. Yếu tố kinh tế, chính trị.....	9
1.3.2. Yếu tố pháp luật.....	10
1.3.3. Yếu tố văn hóa xã hội.....	9
1.3.4. Yếu tố cạnh tranh trên thị trường.....	9
Kết luận Chương 1 .....	10
<b>CHƯƠNG 2.THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HẠN CHẾ CẠNH TRANH TRONG HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI .....</b>	<b>10</b>
2.1. Thực trạng pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.....	10
2.1.1.Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh.....	10
2.1.1.1. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm .....	10
2.1.1.2. Miễn trừ đối với hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm	10
2.1.1.3. Các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh thường gặp trong nhượng quyền thương mại .....	11
2.1.2. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền .....	11
2.1.2.1. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền bị cấm.....	11
2.1.2.2. Các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền thường gặp trong nhượng quyền thương mại.....	12
2.1.3. Xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	13
2.1.3.1. Xử phạt vi phạm hành chính .....	13
2.1.3.2. Truy cứu trách nhiệm hình sự .....	13
2.1.3.3. Yêu cầu bồi thường thiệt hại.....	13
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	13
2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	13

2.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại.....	15
Kết luận Chương 2.....	17
<b>CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HẠN CHẾ CẠNH TRANH TRONG HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM .....</b>	<b>18</b>
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.....	18
3.1.1. Định hướng chung về hoàn thiện pháp luật hạn chế cạnh tranh ..	18
3.1.2. Định hướng cụ thể hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	18
3.2. Giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại	18
3.2.1. Giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại .....	18
3.2.1.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định điều chỉnh về xử phạt vi phạm hành chính về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.....	19
3.2.1.2. Điều chỉnh quy định về bồi thường thiệt hại.....	19
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.....	19
3.2.2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật của các chủ thể trên thị trường .....	19
3.2.2.2. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý về cạnh tranh trên thị trường.....	19
3.2.2.3. Tăng cường công tác tranh tra, xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại .....	19
3.2.2.4. Tăng cường công tác tham vấn với cơ quan quản lý ngành.....	19
Kết luận Chương 3.....	19
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>21</b>



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Cùng với sự phát triển của hoạt động nhượng quyền thương mại tại Việt Nam thì các khung pháp lý để điều chỉnh hoạt động này cũng được xây dựng và ngày càng hoàn thiện hơn. Ở Việt Nam, pháp luật về nhượng quyền thương mại và pháp luật cạnh tranh có mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau. Hiện nay, các quy định của pháp luật về nhượng quyền thương mại đang được quy định rải rác trong Luật thương mại, Luật cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tuy nhiên, pháp luật điều chỉnh các hành vi cạnh tranh trong hệ thống nhượng quyền nói riêng và trong hoạt động nhượng quyền thương mại nói chung hiện nay vẫn còn bỏ ngỏ, chưa có những quy định riêng để điều chỉnh cho phù hợp với những đặc thù trong quan hệ nhượng quyền thương mại. Nhiều quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo và thiếu tính cụ thể cũng như chưa tính đến những đặc thù quan trọng là bản chất của hoạt động nhượng quyền thương mại. Đây là một trong số những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng pháp luật cạnh tranh và pháp luật về nhượng quyền thương mại chưa đạt được những hiệu quả như mong muốn của các nhà làm luật và các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam. Nếu tiếp tục duy trì tình trạng như hiện nay, các quyền lợi và nghĩa vụ các bên tham gia vào quan hệ nhượng quyền sẽ không được đảm bảo.

Mặt khác, với xu hướng phát triển của hoạt động nhượng quyền thương mại như hiện nay, cần phải xây dựng quy định điều chỉnh những hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại, có như thế mới đảm bảo khả năng phát triển bền vững cho các hệ thống nhượng quyền thương mại tại Việt Nam. Do đó, việc nghiên cứu các quy định pháp luật về cạnh tranh khi thực hiện hoạt động nhượng quyền thương mại là rất cần thiết nhằm bảo đảm một môi trường cạnh tranh lành mạnh cho hoạt động nhượng quyền thương mại diễn ra ngày một sôi động trên thị trường Việt Nam. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu và làm rõ các quy định pháp luật về cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại cũng nhằm giúp các doanh nghiệp có thể tránh được các kiện tụng liên quan đến các hành vi hạn chế cạnh tranh, giúp các cơ quan quản lý nhà nước trên lĩnh vực này có những hiểu biết đầy đủ, từ đó có hướng để hoàn thiện pháp luật về nhượng quyền nói riêng và pháp luật thương mại nói chung, đáp ứng xu thế hội nhập. Hơn nữa, trong thời gian qua mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu ở những mức độ khác nhau về

pháp luật hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại, song theo sự tìm hiểu của tác giả, chưa có công trình luận văn nào nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện về cả mặt lý luận lẫn thực tiễn đối với pháp luật kiểm soát hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

Với mong muốn nghiên cứu một cách đầy đủ về hành vi hạn chế cạnh tranh nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật. Tác giả quyết định chọn đề tài: ***“Pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại tại Việt Nam”*** làm Luận văn tốt nghiệp Luật học của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Là một vấn đề cơ bản của pháp luật cạnh tranh và pháp luật thương mại; hiện nay, liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại tại Việt Nam dưới góc độ pháp luật đã có một số công trình nghiên cứu ở những mức độ khác nhau như:

Luận án tiến sĩ Luật học: *“Những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật điều chỉnh nhượng quyền thương mại trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam”* (2008) của tác giả Vũ Đăng Hải Yến, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội. Công trình nghiên cứu chủ yếu làm rõ và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về hoạt động nhượng quyền thương mại ở Việt Nam. Xây dựng định hướng và giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực tiễn.

Luận án tiến sĩ Luật học: *“Pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại ở Việt Nam hiện nay”* (2015) của tác giả Nguyễn Thị Tình, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội. Đây là một công trình nghiên cứu khá sát với đề tài Luận văn, song nội dung chủ yếu của công trình nghiên cứu là làm rõ nội dung pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh dưới góc độ pháp luật cạnh tranh 2004 và các văn bản hướng dẫn liên quan. Trên cơ sở so sánh với pháp luật cạnh tranh của một số quốc gia khác trên thế giới. Chưa giải quyết về mặt thực tiễn áp dụng và thực hiện pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại tại Việt Nam.

Luận văn thạc sĩ Luật học: *“Hợp đồng nhượng quyền thương mại theo pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”* (2011) của tác giả Nguyễn Thị Vân, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội. Công trình nghiên cứu chủ yếu tiếp cận và đi sâu nghiên cứu một cách cơ bản, toàn diện và có hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn về hợp đồng về nhượng quyền thương mại và pháp luật về hợp đồng nhượng quyền thương mại trong bối cảnh hội nhập quốc tế...



Ngoài những công trình nghiên cứu kể trên, còn có các công trình nghiên cứu khác liên quan đến đề tài trên các tạp chí khoa học như: “*Hoàn thiện khung pháp lý về nhượng quyền thương mại*” của tác giả Bùi Ngọc Cường, Tạp chí nghiên cứu lập pháp số 103/2007...

Cơ bản các công trình nghiên cứu trên đã làm rõ được một số vấn đề về mặt lý luận của hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại. Tuy nhiên đây là những công trình nghiên cứu theo Luật cạnh tranh 2004, hiện nay Quốc hội đã ban hành Luật cạnh tranh mới, vì vậy cần phải có một hướng nghiên cứu mới. Do đó, trên cơ sở kế thừa những ưu điểm của các tác giả đi trước, Luận văn tiếp tục đi sâu vào nghiên cứu nhằm hoàn thiện pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại theo Luật cạnh tranh 2018.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu đề tài***

Luận văn có mục đích nghiên cứu là làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại theo quy định của pháp luật Việt Nam. Từ đó có các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại ở Việt Nam.

#### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài***

Để hoàn thành mục đích nghiên cứu, Luận văn có các nhiệm vụ sau: Khái quát chung cơ sở lý luận về hạn chế cạnh tranh và nhượng quyền thương mại bằng các khái niệm, đặc điểm hành vi.

Phân tích, đánh giá quy định của pháp luật Việt Nam về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

Hệ thống hóa và phân tích tình hình thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

Đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài**

#### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

- Các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại trong mối tương quan với các quy định của pháp luật khác có liên quan. Đó là: Luật cạnh tranh 2004, Luật cạnh tranh 2008, Luật thương mại 2005, Bộ luật hình sự 2015, Bộ luật dân sự 2015, Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Các công trình nghiên cứu, sách, báo và các quan điểm liên quan đến hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

- Các thống kê của cơ quan quản lý cạnh tranh, Bộ công thương và các cơ quan chức năng khác về tình hình xử lý hạn chế cạnh tranh, tình hình nhượng quyền thương mại tại Việt Nam.

#### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu đề tài***

Không gian nghiên cứu: Các vấn đề lý luận và thực tiễn về hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại theo pháp luật Việt Nam.

Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2015 đến năm 2018.

Địa bàn nghiên cứu: Cả nước.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### ***5.1. Phương pháp luận***

Luận văn thực hiện dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác- Lênin về những quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

#### ***5.2. Phương pháp nghiên cứu***

Luận văn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

Phương pháp tổng hợp và hệ thống hóa lý thuyết được sử dụng trong nội dung Chương 1 Luận văn, xây dựng cơ sở lý luận về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

Phương pháp phân tích được sử dụng trong Chương 2 Luận văn, với mục đích làm rõ nội dung pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

Phương pháp so sánh được sử dụng trong Chương 2 Luận văn để nhận diện sự khác biệt giữa các văn bản pháp luật về quy định hạn chế cạnh tranh.

Phương pháp thống kê được sử dụng trong Chương 2 Luận văn nhằm khái quát chung về tình hình thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại thời gian qua ở Việt Nam.

Phương pháp bình luận được sử dụng trong Luận văn để làm rõ những quan điểm của tác giả về nội dung nghiên cứu.

Phương pháp điển hình được sử dụng trong Chương 3 của Luận văn để đưa ra một số trường hợp cụ thể nhằm làm rõ nội dung của Luận văn.

Phương pháp sử dụng được sử dụng trong Chương 3 của Luận văn cho phép Tác giả sử dụng những tạp chí khoa học, công trình nghiên cứu hiện có, các bài viết của nhà Khoa học ... để làm tài liệu tham khảo.

### **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận văn**

### **6.1. Ý nghĩa khoa học của Luận văn**

Luận văn xây dựng một cách hệ thống cơ sở khoa học về hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại. Đóng góp vào sự đa dạng lý luận của hành vi hạn chế cạnh tranh trên thực tiễn.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn của Luận văn**

Nhận diện những hạn chế thường gặp trong quá trình thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại. Từ đó đề xuất hướng khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả trong thời gian tới.

### **7. Bố cục của Luận văn**

Luận văn gồm có phần Mở đầu, Nội dung và Tài liệu tham khảo; trong đó nội dung luận văn được chia thành ba chương như sau:

**Chương 1.** Một số vấn đề lý luận và khung pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại;

**Chương 2.** Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại;

**Chương 3.** Định hướng và các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại tại Việt Nam.

## **CHƯƠNG 1**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ HẠN CHẾ CẠNH TRANH TRONG HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

#### **1.1. Khái quát chung về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại**

##### **1.1.1. Khái niệm, đặc trưng củanhuộng quyền thương mại**

###### **1.1.1.1. Khái niệm nhượng quyền thương mại**

Hoạt động nhượng quyền thương mại mới được pháp luật Việt Nam ghi nhận như là một hoạt động thương mại độc lập trong Luật thương mại năm 2005. Theo đó tại Điều 284, Luật thương mại 2005 đã quy định: “Nhượng quyền thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên nhượng quyền cho phép và yêu cầu bên nhận quyền tự mình tiến hành việc mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ. Một hoạt động thương mại được coi là nhượng quyền thương mại nếu đáp ứng các điều kiện sau đây: 1. Việc mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ được tiến hành theo cách thức tổ chức kinh doanh do bên nhượng quyền quy định và được gắn với nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, bí quyết kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, quảng cáo của bên nhượng

quyền.2. Bên nhượng quyền có quyền kiểm soát và trợ giúp cho bên nhận quyền trong việc điều hành công việc kinh doanh”.

#### *1.1.1.2. Đặc trưng của nhượng quyền thương mại*

Là một hoạt động thương mại độc lập, nhượng quyền thương mại có đầy đủ đặc điểm của một hoạt động thương mại thuần túy. Song nhượng quyền thương mại vẫn mang những đặc trưng riêng biệt nhằm phân biệt với các hoạt động thương mại khác như:

*Một là, về chủ thể:* Chủ thể của quan hệ nhượng quyền thương mại bao gồm bên nhượng quyền và bên nhận quyền. Các chủ thể này có thể là cá nhân hoặc pháp nhân, là công dân trong nước hoặc người nước ngoài.

*Hai là, về đối tượng nhượng quyền thương mại:* Khác với các hoạt động thương mại thông thường, đối tượng của nhượng quyền thương mại là quyền thương mại.

Theo quy định tại khoản 6, Điều 3 Nghị định 35/2006/NĐ-CP thì quyền thương mại được hiểu là bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các quyền sau đây: Quyền được bên nhượng quyền cho phép và yêu cầu bên nhận quyền tự mình tiến hành công việc kinh doanh cung cấp hàng hoá hoặc dịch vụ theo một hệ thống do bên nhượng quyền quy định và được gắn với nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, khẩu hiệu kinh doanh, biểu tượng kinh doanh, quảng cáo của bên nhượng quyền; Quyền được bên nhượng quyền cấp cho bên nhận quyền sơ cấp quyền thương mại chung; Quyền được bên nhượng quyền thứ cấp cấp lại cho bên nhận quyền thứ cấp theo hợp đồng nhượng quyền thương mại chung; Quyền được bên nhượng quyền cấp cho bên nhận quyền quyền thương mại theo hợp đồng phát triển quyền thương mại.

*Ba là, mối quan hệ giữa bên nhận quyền và bên nhượng quyền*

Trong hoạt động nhượng quyền thương mại, giữa bên nhượng quyền và bên nhận quyền luôn tồn tại một mối quan hệ hỗ trợ mật thiết.

*Bốn là, luôn có sự kiểm soát của bên nhượng quyền đối với việc điều hành công việc của bên nhận quyền*

#### **1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại**

##### *1.1.2.1. Khái niệm hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại*

Tại khoản 2, Điều 3, Luật cạnh tranh 2018 quy định: “*Hành vi hạn chế cạnh tranh là hành vi gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh, bao gồm hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và lạm dụng vị trí độc quyền*”. Như

vậy, hạn chế cạnh tranh là hành vi của chủ thể gây tác động kể cả đó là khả năng gây tác động làm hạn chế cạnh tranh.

Trên cơ sở nghiên cứu hành vi hạn chế cạnh tranh và hoạt động nhượng quyền thương mại, Luận văn rút ra khái niệm như sau: *Hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại là hành vi của chủ thể nhằm hạn chế hoặc loại bỏ các chủ thể khác không cùng một hệ thống trên thị trường mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ bằng các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh hoặc lạm dụng vị trí độc quyền thị trường.*

#### ***1.1.2.2. Đặc điểm của hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại***

*Một là*, hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại diễn ra giữa các chủ thể có cùng chức năng kinh doanh.

*Hai là*, hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại được thể hiện rõ nét trong hợp đồng nhượng quyền thương mại.

*Ba là*, hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại có dấu hiệu làm giảm, sai lệch và cản trở cạnh tranh trên thị trường.

#### ***1.1.3. Tác động của hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại***

Hành vi hạn chế cạnh tranh vừa có tác động tích cực vừa tác động tiêu cực tới hoạt động nhượng quyền thương mại. Song cạnh tranh là một thuộc tính của nền kinh tế thị trường, việc hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại chỉ xuất hiện khi có các yếu tố sau<sup>1</sup>:

*Một là, nhu cầu tối đa hóa lợi nhuận và mở rộng thị trường của các thương nhân trong hệ thống nhượng quyền*

*Hai là, yêu cầu đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống nhượng quyền*

#### ***1.1.4. Các hình thức hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại***

##### ***1.1.4.1. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh giữa các chủ thể nhượng quyền***

Điều 3.4, Luật cạnh tranh 2018 quy định: “*Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh là hành vi thỏa thuận giữa các bên dưới mọi hình thức gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh*”. Căn cứ vào tính chất, chủ thể và mức độ tác động, hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại có thể chia làm hai loại như sau:

Một là, thỏa thuận theo chiều ngang; Hai là, thỏa thuận theo chiều dọc:

---

<sup>1</sup>Nguyễn Thị Tình (2015), “Pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại ở Việt Nam hiện nay”, Đại học Luật Hà Nội, tr.42.

Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại có một số đặc điểm sau:

*Một là, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh giữa các bên nhượng quyền mang tính hệ thống.*

*Hai là, thỏa thuận hạn chế cạnh tranh có sự thống nhất về ý chí giữa các bên nhượng quyền thương mại.*

*Ba là, hậu quả của thỏa thuận hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại là làm giảm sức ép cạnh tranh, làm sai lệch hoặc cản trở cạnh tranh trên thị trường trong một lãnh thổ nhượng quyền.*

*1.1.4.2. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền trong nhượng quyền thương mại*

Tại Điều 3.5 Luật cạnh tranh 2018 quy định: “*Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền là hành vi của doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh*”.

Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường thông thường gây ra hậu quả hạn chế cạnh tranh đối với bên nhận quyền trong mối quan hệ với các bên trong hệ thống nhượng quyền và với các đối thủ cạnh tranh khác ngoài hệ thống. Ngược lại, hành vi lạm dụng vị trí độc quyền trên thị trường chỉ là sự phát triển hơn một chút về mức độ ảnh hưởng của hành vi, năng lực thị trường của chủ thể thực hiện hành vi so với hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường. Bên lạm dụng vị trí độc quyền là chủ thể độc tôn cung cấp sản phẩm trên thị trường, mà không có đối thủ cạnh tranh.

## **1.2. Khung pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại**

***1.2.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại***

***1.2.1.1. Khái niệm pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại***

Luận văn đưa ra khái niệm pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại như sau: *Pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại là tổng thể các quy phạm pháp luật được Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận điều chỉnh các quan hệ về hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.*

***1.2.1.2. Đặc điểm pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại***

Pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại mang đầy đủ những dấu hiệu cơ bản của pháp luật như: tính quyền lực Nhà nước, tính bắt buộc chung, tính quy phạm phổ biến, tính chặt chẽ, v.v...ngoài ra, nó còn mang một số đặc trưng riêng như:

*Một là*, pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại không phải là một ngành luật riêng.

*Hai là*, pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại được hình thành tương đối muộn.

*Ba là*, pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại chưa mang tính hệ thống.

*Bốn là*, pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại điều chỉnh trong một phạm vi hẹp.

### ***1.2.2. Nội dung pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại***

Pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại là tổng hợp quy phạm pháp luật được ban hành hoặc thừa nhận điều chỉnh nhóm hành vi gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại. Trên cơ sở đề tài nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại, tác giả làm rõ các nội dung:

*1.2.2.1. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh: Phân tích tại Mục 1.1.4.1,*

*1.2.2.2. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền: Phân tích tại Mục 1.1.4.2,*

*1.2.2.3. Xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại*

Nhằm đảm bảo sự ổn định và tính công bằng của thị trường kinh doanh, mọi chủ thể tham gia có hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật: *Thứ nhất, xử phạt vi phạm hành chính; Thứ hai, truy cứu trách nhiệm hình sự; Thứ ba, bồi thường thiệt hại*

### **1.3. Các yếu tố tác động đến pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại**

***1.3.1. Yếu tố kinh tế, chính trị***

***1.3.2. Yếu tố văn hóa xã hội***

***1.3.3. Yếu tố pháp luật***

***1.3.3. Yếu tố cạnh tranh trên thị trường***

## **Kết luận Chương 1**

Nhượng quyền thương mại là một hình thức kinh doanh phổ biến trên thế giới cũng như ở Việt Nam hiện nay, có ý nghĩa hết sức trong nền kinh tế. Kết thúc chương 1 Luận văn, tác giả làm rõ một số nội dung sau:

Một là, khái quát hóa cơ sở lý luận về nhượng quyền thương mại và hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại qua các khái niệm, đặc điểm. Đồng thời phân tích tác động và hình thức của hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

Hai là, trình bày nội dung pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại qua các quy định về hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền và hình thức xử lý đối với cá nhân, tổ chức vi phạm.

Ba là, phân tích các yếu tố tác động đến pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT HẠN CHẾ CẠNH TRANH TRONG HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

#### **2.1. Thực trạng pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại**

##### ***2.1.1. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh***

###### ***2.1.1.1. Hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm***

Như đã đề cập tại Mục 1.2.1, trước khi Luật cạnh tranh 2018 được ban hành, hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh được điều chỉnh bởi Luật cạnh tranh 2004, trong đó Điều 8 Luật này ghi nhận 8 hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm, So với Luật cạnh tranh 2004, Luật cạnh tranh 2018 quy định có 11 hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm,

Như vậy, điểm đồng nhất giữa hai văn bản Luật này là cách quy định liệt kê các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm, cách quy định này dễ áp dụng song lại dễ bỏ sót các hành vi có dấu hiệu vi phạm tương đồng. Tuy nhiên, Luật cạnh tranh 2018 đã bổ sung thêm một số hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh mới phù hợp hơn với thực tiễn mà Luật cạnh tranh trước đây chưa tiên liệu được.

###### ***2.1.1.2. Miễn trừ đối với hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm***



Về nguyên tắc, các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm sẽ không được thực hiện, tuy nhiên trong trường hợp việc thỏa thuận hạn chế cạnh tranh đem lại lợi cho người tiêu dùng thì được hưởng quyền miễn trừ.

*2.1.1.3. Các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh thường gặp trong nhượng quyền thương mại*

*(1) Hành vi thỏa thuận ấn định giá hàng hóa, dịch vụ*

*(2) Hành vi thỏa thuận phân chia lãnh thổ trong nhượng quyền*

*(3) Hành vi thỏa thuận không cho chủ thể khác tham gia vào thị trường*

**2.1.2. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền**

*2.1.2.1. Hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền bị cấm*

Trước đây, tại Điều 11, Luật cạnh tranh 2004 quy định, một doanh nghiệp được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường nếu có thị phần từ 30% trở lên trên thị trường liên quan hoặc có khả năng gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể. Đối với nhóm doanh nghiệp được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường nếu cùng hành động nhằm gây hạn chế cạnh tranh và thuộc một trong các trường hợp sau đây: Hai doanh nghiệp có tổng thị phần từ 50% trở lên trên thị trường liên quan; Ba doanh nghiệp có tổng thị phần từ 65% trở lên trên thị trường liên quan; Bốn doanh nghiệp có tổng thị phần từ 75% trở lên trên thị trường liên quan. Doanh nghiệp được coi là có vị trí độc quyền nếu không có doanh nghiệp nào cạnh tranh về hàng hoá, dịch vụ mà doanh nghiệp đó kinh doanh trên thị trường liên quan<sup>2</sup>.

Theo quy định tại Điều 24, Luật cạnh tranh 2018 một doanh nghiệp được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường nếu có sức mạnh thị trường đáng kể hoặc có thị phần từ 30% trở lên trên thị trường liên quan. Nhóm doanh nghiệp được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường nếu cùng hành động gây tác động hạn chế cạnh tranh và có sức mạnh thị trường đáng kể hoặc có tổng thị phần thuộc một trong các trường hợp sau: Hai doanh nghiệp có tổng thị phần từ 50% trở lên trên thị trường liên quan; Ba doanh nghiệp có tổng thị phần từ 65% trở lên trên thị trường liên quan; Bốn doanh nghiệp có tổng thị phần từ 75% trở lên trên thị trường liên quan; Năm doanh nghiệp trở lên có tổng thị phần từ 85% trở lên trên thị trường liên quan.

---

<sup>2</sup>Điều 12, Luật cạnh tranh 2004.

Như vậy, so với Luật cạnh tranh 2004, Luật cạnh tranh 2018 đã bổ sung thêm quy định về xác định vị thế thống lĩnh thị trường đối với nhóm năm doanh nghiệp trở lên, theo đó năm doanh nghiệp trở lên cùng liên kết hoạt động có tổng thị phần từ 85% trở lên trên thị trường liên quan thì xem là có vị trí thống lĩnh thị trường. Như vậy, Luật này cũng mặc nhiên quy định trường hợp doanh nghiệp có thị phần ít hơn 10% trên thị trường liên quan thì không được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường. Trước đây, việc xác định vị trí thống lĩnh thị trường theo Luật cạnh tranh 2004 chỉ dựa trên tiêu chí sở hữu thị phần trên thị trường liên quan. Trong hệ thống nhượng quyền, thường hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường hoặc lạm dụng vị trí độc quyền được thực hiện chủ yếu từ phía bên nhượng quyền, nhưng nếu căn cứ theo các tiêu chí này thì nhiều trường hợp không thể đặt bên nhượng quyền vào vị trí thống lĩnh, mặc dù hành vi do chủ thể này thực hiện có khả năng gây hạn chế cạnh tranh. Như vậy cách quy định này vô tình bỏ sót mất doanh nghiệp có thị phần dưới 30% mà vẫn có thể gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể. Nhưng hiện nay, Luật cạnh tranh 2018 bổ sung thêm tiêu chí đánh giá vị trí thống lĩnh thị trường của các chủ thể bằng yếu tố sức mạnh thị trường đáng kể. Nếu doanh nghiệp nắm trong tay quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp sẽ được coi là có vị trí thống lĩnh thị trường và có thể áp đặt những quy định bất lợi hoặc một quy định đi ngược nguyên tắc cạnh tranh cho đối thủ. Bên nhượng quyền thương mại khi tiến hành thỏa thuận nhượng quyền thương mại với bên nhận quyền đóng vai trò là bên nắm trong tay quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp cho nên nắm ưu thế chủ động và có thể áp đặt một số điều khoản không mong muốn cho bên nhận quyền thì có thể xem xét đó như một hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường mà không cần yếu tố thị phần.

Luật cạnh tranh 2018 đã có những sửa đổi, bổ sung phù hợp hơn so với nhu cầu thực tiễn hiện nay. Song cách quy định liệt kê và mô tả chi tiết những hành vi cụ thể được coi là lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, mặc dù có ý nghĩa tích cực là dễ dàng, thuận tiện cho việc áp dụng luật nhưng cũng đưa đến những hạn chế là việc áp dụng các quy định của luật sẽ cứng nhắc, có những hành vi có cùng bản chất nhưng không có mô tả giống với hành vi được liệt kê thì sẽ bị bỏ qua, không có căn cứ để xem xét; đồng thời liệt kê thì dễ dẫn đến bỏ sót các hành vi phản cạnh tranh khác.

*2.1.2.2. Các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền thường gặp trong nhượng quyền thương mại*

(1) *Hành vi độc quyền lãnh thổ nhượng quyền*: Độc quyền lãnh thổ có thể bao gồm độc quyền khai thác mô hình nhượng quyền, độc quyền nhãn hiệu (độc quyền tương đối) và độc quyền phân phối (độc quyền tuyệt đối) trong một phạm vi địa lý nhất định.

(2) *Hành vi độc quyền cung cấp sản phẩm*

(3) *Hành vi ấn định giá bán lại hoặc ấn định giá bán lại tối thiểu gây thiệt hại cho khách hàng*

(4) *Hành vi buộc bên nhận quyền chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng*

### **2.1.3. Xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại**

#### **2.1.3.1. Xử phạt vi phạm hành chính**

Như đã phân tích tại Mục 1.2.3.1,

#### **2.1.3.2. Truy cứu trách nhiệm hình sự**

Các chủ thể có hành vi vi phạm chế tài cạnh tranh cấu thành tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 217 Bộ luật hình sự 2015 và khoản 50, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật hình sự.

#### **2.1.3.3. Yêu cầu bồi thường thiệt hại**

Trong hoạt động nhượng quyền thương mại, chủ thể có hành vi hạn chế cạnh tranh gây thiệt hại cho chủ thể khác thì phải bồi thường.

### **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại**

#### **2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại**

Theo thống kê của Bộ công thương: Năm 2015, chỉ có 135 thương hiệu nước ngoài đến từ 21 quốc gia đăng ký nhượng quyền tại Việt Nam. Các thương hiệu này chủ yếu thuộc lĩnh vực nhà hàng, thời trang và giáo dục. Tuy nhiên, một số ngành kinh doanh ở nước ngoài rất phát triển như nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, dịch vụ khai thuế, kiểm toán, kinh doanh giải trí, rạp phim, cơ sở Karaoke... nhưng ở Việt Nam chưa có<sup>3</sup>.

Năm 2016, Việt Nam đã có 148 thương hiệu quốc tế nhượng quyền thành công tại Việt Nam. Trong đó ngành thực phẩm và đồ uống vẫn chiếm ưu thế với một loạt các thương hiệu nổi tiếng đang hoạt động thành công tại Việt Nam như KFC, Lotteria, Jollibee, Pizza Hut, Burger King, Starbucks, McDonald's, Domino's Pizza, Popeye's Chicken,

<sup>3</sup> Xem: <https://baomoi.com/quan-ly-nha-nuoc-ve-nhuong-quyen-thuong-mai-va-mot-so-khuyen-nghi/c/17114131.epi>.

Texas Chicken hay Coffee Bean & Tea Leaf. Bên cạnh các thương hiệu ngoại thì một số thương hiệu Việt được ưa thích tại Việt Nam cũng mong có cơ hội nhượng quyền thương hiệu của mình tại Việt Nam và khu vực như Phở 24, Highlands Coffee, Wrap & Roll, Món Huế, v.v.<sup>4</sup>...

Năm 2017 đã có 195 công ty nước ngoài vào đăng ký nhượng quyền vào Việt Nam. Trong đó, chiếm 40% là các thương hiệu về thực phẩm và đồ uống. Các công ty này chủ yếu đến từ Anh, Pháp, Mỹ, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống, giáo dục, hàng tiêu dùng... với các tên tuổi như Costa International Limited (Anh) kinh doanh chuỗi cà phê Costa; ITX MERKEN, B.V (Hà Lan) với chuỗi cửa hàng bán lẻ quần áo, giày dép và phụ kiện gắn với nhãn hiệu Pull & Bear, Stradivarius, Massimo Dutti; Youhong Foods Co kinh doanh trà sữa gắn nhãn hiệu One Zo; Tokyo Food Corporation (Nhật Bản) bánh xèo Nhật Bản và các món ăn Nhật khác gắn với các nhãn hiệu Botejyu, Basta Hiro, v.v...<sup>5</sup>.

Năm 2018, Bộ công thương đã tiếp nhận đăng ký nhượng quyền vào Việt Nam với 17 thương hiệu<sup>6</sup>. Bên cạnh các thương hiệu quen thuộc đến từ Mỹ như: KF Tea Franchising LLC, kinh doanh trà và đồ uống; từ Anh như: Công ty DKH Retail Ltd, kinh doanh quần áo thời trang và phụ kiện; từ Thụy Điển như: Wayne Och Margareta's Coffee AB, kinh doanh dịch vụ quán café và dịch vụ nhà hàng bán lẻ sản phẩm café. Thì bên cạnh đó, ngày càng nhiều các thương hiệu từ khu vực châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á dần quan tâm đến thị trường Việt Nam.

Vì vậy, trong phạm vi nghiên cứu, tác giả đã đề cập nhiều hơn đến thực tiễn chung về thực hiện pháp luật hạn chế cạnh tranh, trên cơ sở lồng ghép các yếu tố nhượng quyền thương mại. Cụ thể:

Trong năm 2015, Cục quản lý cạnh tranh tiến hành điều tra tiền tố tụng trên các thị trường sữa, thị trường bia, thị trường cảng biển, vận tải đường biển, lĩnh vực ngân hàng và lĩnh vực giá điện. Trong số 05 vụ việc được điều tra tiền tố tụng trong năm 2015 có 02 vụ việc liên quan đến thị trường dịch vụ và 03 vụ việc liên quan đến thị trường hàng hóa.

Năm 2016<sup>7</sup>, Cục quản lý cạnh tranh đã tiến hành điều tra tiền tố tụng trong nhiều ngành, lĩnh vực, trong đó điển hình có các vụ việc: Thị

---

<sup>4</sup> Xem: Ngọc Vân (2016), "Nhượng quyền thương mại sẽ tăng trưởng khoảng 15% đến 20%", ngày 15/7/2016, Nguồn: <http://vietnamfinance.vn>.

<sup>5</sup> Xem: Anh Hoa (2018), "Nhượng quyền: Con lốc đổ bộ của thương hiệu nước ngoài", ngày 29/3/2018, Nguồn: <https://baomoi.com>.

<sup>6</sup> Xem: <http://www.moit.gov.vn/web/guest/nhuong-quyen-thuong-mai>.

<sup>7</sup> Cục quản lý cạnh tranh (2017), Báo cáo thường niên 2016, tr.9, Nguồn: <http://www.vca.gov.vn/>.

trường dịch vụ bảo hiểm tàu cá; Thị trường truyền hình trả tiền; Thị trường điện ảnh,

Năm 2017<sup>8</sup>, Cục cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã tiến hành điều tra tiền tố tụng nhằm rà soát, phát hiện dấu hiệu các hành vi hạn chế cạnh tranh trong một số ngành, lĩnh vực được dư luận xã hội quan tâm. Điển hình: vụ việc tranh chấp, cạnh tranh giữa các hãng taxi truyền thống và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ “taxi công nghệ” như Uber, Grab;

Nhìn chung, trong thời gian qua, việc xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh thời gian qua hết sức khiêm tốn. Điều này phản ánh thực tế trong bối cảnh các cơ quan cạnh tranh Việt Nam còn non trẻ với nguồn lực hạn chế và Luật cạnh tranh được thực thi chưa đủ lâu để có thể đi sâu vào đời sống xã hội.

### ***2.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại***

Căn cứ vào tình hình thực hiện pháp luật tại Mục 2.2.1, cho thấy việc thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại thời gian qua chưa có nhiều thành tựu nổi bật, phần nào lý giải thực trạng hoạt động nhượng quyền thương mại tại Việt Nam còn mờ nhạt. Cũng qua thực tiễn đó, tác giả rút ra được một số điểm sau:

*Một là, việc giải quyết tranh chấp về nhượng quyền thương mại có chứa yếu tố hạn chế cạnh tranh chưa đạt được những hiệu quả như mong muốn.*

*Hai là, mức độ nhận thức của cộng đồng xã hội và doanh nghiệp về các quy định hạn chế cạnh tranh không và nhượng quyền thương mại chưa cao*

Kết quả thực hiện khảo sát doanh nghiệp do Bộ công thương thực hiện cho thấy có tới gần 27.2% số doanh nghiệp khi được hỏi “Doanh nghiệp đã biết về Luật cạnh tranh hay chưa” trả lời không biết Luật cạnh tranh. Đối với 72.8% doanh nghiệp trả lời đã biết Luật cạnh tranh, mức độ hiểu biết về nhóm quy định hạn chế cạnh tranh cũng ở mức hạn chế. Từ đó cho thấy, việc thiếu hiểu biết về pháp luật hạn chế cạnh tranh và nhượng quyền thương mại dẫn đến việc các chủ thể vi phạm mà không biết.

*Ba là, nhiều chủ thể trong nhượng quyền thương mại, người tiêu dùng không biết đến cơ quan cạnh tranh nên khi xảy ra vi phạm, các chủ thể này không biết làm cách nào để bảo vệ mình*

---

<sup>8</sup> Cục quản lý cạnh tranh (2018), Báo cáo thường niên 2017, tr.16, Nguồn: <http://www.vca.gov.vn/>.

Theo kết quả khảo sát, trong nhóm những doanh nghiệp đã trả lời có biết Luật cạnh tranh, có tới 46.5% doanh nghiệp trả lời không biết về cơ quan cạnh tranh.

*Bốn là, việc vận dụng pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại chỉ ở mức thấp*

Theo kết quả khảo sát, có tới 37.41% doanh nghiệp chưa bao giờ tham khảo các quy định của pháp luật cạnh tranh khi xây dựng chính sách kinh doanh hoặc đàm phán với các đối tác, 44.88% doanh nghiệp thỉnh thoảng mới tham khảo và chỉ có 17.71% doanh nghiệp thường xuyên tham khảo các quy định của pháp luật cạnh tranh.

Nhìn chung, ý thức tìm hiểu và tuân thủ pháp luật cạnh tranh nói chung và pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền nói riêng của các doanh nghiệp Việt Nam chưa cao, nên việc vận dụng luật cũng rất hạn chế. Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau cả về mặt chủ quan lẫn khách quan.

Về nguyên nhân khách quan có thể kể đến như:

*Một là, Việt Nam bước sang giai đoạn phát triển mới cùng với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, các quan hệ cạnh tranh đã có những thay đổi đáng kể và nhanh chóng. Các hành vi phản cạnh tranh được thực hiện dưới nhiều hình thức mới với mức độ tinh vi, phức tạp ngày càng cao.*

*Hai là, Luật cạnh tranh không thể bao quát hết dẫn tình trạng mâu thuẫn giữa pháp luật cạnh tranh và pháp luật thương mại đã làm giảm hiệu quả thi hành pháp luật, không đảm bảo được sự hài hòa giữa mục tiêu phát triển ngành và mục tiêu tạo lập, duy trì và thúc đẩy môi trường cạnh tranh.*

*Ba là, việc xây dựng và thi hành Luật cạnh tranh với vai trò là một đạo luật bảo vệ cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường cũng gặp nhiều vướng mắc, khó khăn cả về lý luận và thực tiễn.*

Về nguyên nhân chủ quan gồm có:

*Một là, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về cạnh tranh đã được thực hiện thường xuyên, liên tục, nhưng nhìn chung chưa thực sự hiệu quả,*

*Hai là, trong công tác thi hành Luật cạnh tranh, đội ngũ cán bộ, công chức nhìn chung chưa đủ về số lượng, thiếu kinh nghiệm thực tiễn.*

*Ba là, nhận thức về quy luật cạnh tranh, yêu cầu đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng của một bộ phận cơ quan, cán bộ quản lý Nhà nước và của các chủ thể trong quan hệ cạnh tranh còn chưa đầy đủ.*

## **Kết luận Chương 2**

Việc phân tích nội dung pháp luật và việc thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh có ý nghĩa rất lớn cả về mặt khoa học lẫn thực tiễn. Kết thúc chương 2 Luận văn, tác giả làm rõ được các nội dung:

Một là, phân tích và làm rõ được các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại qua các khía cạnh khác nhau của hành vi hạn chế cạnh tranh như: thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền, hình thức xử lý. Đồng thời nhận diện được những ưu điểm, hạn chế trong quy định của pháp luật cạnh tranh trên cơ sở so sánh giữa các văn bản với nhau.

Hai là, làm rõ được thực tiễn thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại thời gian qua chưa có nhiều thành tựu nổi bật, việc thực hiện pháp luật vẫn tương đối mờ nhạt, mức độ nhận thức của cộng đồng xã hội và doanh nghiệp về các quy định của pháp luật cạnh tranh nói chung và các quy định về hạn chế cạnh tranh không cao.

## CHƯƠNG 3

# ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HẠN CHẾ CẠNH TRANH TRONG HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM

### 3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại

#### 3.1.1. Định hướng chung về hoàn thiện pháp luật hạn chế cạnh tranh

Trong quá trình hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

*Một là*, duy trì và bảo vệ môi trường cạnh tranh bình đẳng, hiệu quả giữa các doanh nghiệp trên thị trường.

*Hai là*, kết hợp chặt chẽ giữa tư duy kinh tế và tư duy pháp lý trong đó nhấn mạnh mục tiêu tăng cường hiệu quả cho công tác thực thi luật<sup>9</sup>.

*Ba là*, nhấn mạnh vai trò trung tâm của Nhà nước trong hoạt động bảo vệ cạnh tranh trên thị trường.

#### 3.1.2. Định hướng cụ thể hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại

Xuất phát từ đặc thù của hoạt động nhượng quyền thương mại so với các hoạt động thương mại khác trên thị trường, việc hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh phải đáp ứng được các tiêu chí sau:

*Một là*, phải dựa trên cơ sở đảm bảo ghi nhận quy luật khách quan của cạnh tranh trong quan hệ nhượng quyền thương mại

*Hai là*, phải dựa trên cơ sở ghi nhận những ngoại lệ hợp lý của pháp luật cạnh tranh theo hướng phù hợp với bản chất của hoạt động nhượng quyền thương mại

*Ba là*, phải dựa trên cơ sở đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa pháp luật thương mại với pháp luật cạnh tranh

### 3.2. Giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại

#### 3.2.1. Giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại

Trong nội dung nghiên cứu của đề tài, tác giả đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện về mặt pháp luật trong công tác xử lý vi phạm, bồi thường thiệt hại đối với hành vi hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại như sau:

<sup>9</sup> Xem thêm: Luật cạnh tranh 2018, kết hợp chặt chẽ giữa tư duy pháp lý và tư duy kinh tế. Nguồn: <https://petrotimes.vn> ngày 28/6/2018.



*3.2.1.1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định điều chỉnh về xử phạt vi phạm hành chính về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại*

*Một là, xem xét bổ sung quy định các nguyên tắc xác định mức phạt tiền*

*Hai là, xem xét bổ sung quy định mức phạt tiền tối thiểu*

*Ba là, điều chỉnh lại các quy định về các biện pháp phạt bổ sung hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả*

Một số biện pháp xử lý vi phạm mới nên được nghiên cứu và đưa vào áp dụng như: buộc doanh nghiệp công bố quyết định xử lý vi phạm đối với hành vi vi phạm của họ (trích lục); hoặc đăng thông cáo với nội dung do cơ quan cạnh tranh quy định trên một số tờ báo hay ấn phẩm khác theo chỉ định của cơ quan cạnh tranh;

*3.2.1.2. Điều chỉnh quy định về bồi thường thiệt hại*

Xem xét bổ sung quy định cách thức xác định thiệt hại đối cá nhân, tổ chức có hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức khác.

***3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại***

*3.2.2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật của các chủ thể trên thị trường*

*3.2.2.2. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý về cạnh tranh trên thị trường*

*3.2.2.3. Tăng cường công tác tranh tra, xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại*

*3.2.2.4. Tăng cường công tác tham vấn với cơ quan quản lý ngành*

### **Kết luận Chương 3**

Trên cơ sở những hạn chế đã phân tích trong nội dung chương 2, kết thúc chương 3 của Luận văn, tác giả làm rõ một số nội dung sau:

Một là, xây dựng định hướng hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh nói chung và trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại nói riêng. Trong đó nhấn mạnh mục tiêu hoàn thiện pháp luật về hành vi hạn chế cạnh tranh phải tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh cho các tất cả các chủ thể tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động kinh doanh trên thị trường, bảo đảm cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, chống hạn chế thương mại,...

Hai là, đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại.

Ngoài ra, tác giả tiếp tục đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại qua các biện pháp như: Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật về hạn chế cạnh tranh; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật của các chủ thể trên thị trường và tăng cường công tác thanh tra, xử lý vi phạm trên thị trường.

## KẾT LUẬN

Ở Việt Nam, nhượng quyền thương mại là một hoạt động thương mại tương đối mới mẻ. Trên thế giới hình thức sơ khai của lối kinh doanh nhượng quyền đã xuất hiện vào khoảng thế kỷ 17-18 tại Châu Âu. Nhưng hoạt động nhượng quyền kinh doanh hay nhượng quyền thương mại được chính thức thừa nhận khởi nguồn, phát triển là tại Hoa Kỳ vào giữa thế kỷ 19, khi mà Nhà máy Singer ký kết hợp đồng nhượng quyền kinh doanh đầu tiên cho đối tác của mình. Tại Việt Nam, hình thức kinh doanh nhượng quyền đã có mặt từ trước năm 1975 thông qua một số hệ thống nhượng quyền các trạm xăng dầu của Mỹ như: Mobil, Exxon, Shell.

Nhượng quyền thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên nhượng quyền cho phép và yêu cầu bên nhận quyền tự mình tiến hành việc mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ. Hành vi hạn chế cạnh tranh là hành vi gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh, bao gồm hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và lạm dụng vị trí độc quyền. Hành vi hạn chế cạnh tranh trong nhượng quyền thương mại chỉ xuất hiện khi các bên có nhu cầu tối đa hóa lợi nhuận và mở rộng thị trường của các thương nhân trong hệ thống nhượng quyền; bất kỳ một thương nhân nào khi gia nhập thị trường đều mong muốn “Lôi kéo” được khách hàng về phía mình và thu về thật nhiều lợi nhuận và nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong hệ thống nhượng quyền.

Kể từ khi Luật cạnh tranh 2004 và Luật thương mại 2005 được ban hành, đã xây dựng được một hành lang pháp lý chặt chẽ điều chỉnh các hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại. Đây là cơ sở quan trọng để các doanh nghiệp dựa vào đó có thể điều chỉnh hoạt động kinh doanh của mình theo đúng chuẩn mực kinh doanh. Nhưng quá tình hình thực hiện pháp luật về hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại thời gian qua chưa có nhiều thành tựu nổi bật, việc thực hiện pháp luật vẫn tương đối mờ nhạt.

Kết thúc Luận văn, tác giả đã giải quyết được những câu hỏi nghiên cứu đã nêu ra đầu luận văn. Thỏa mãn được các vấn đề lý luận và thực tiễn cần nghiên cứu.